

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 850/2024/HC-PT
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 311/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1867/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ 16, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: đường 27/4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: đường 27/4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh D, chức vụ: Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Thế Tr – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. (có mặt)

+ Ông Trần Chí Th – Phó phòng nghiệp vụ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. (có mặt)

+ Ông Mạch Tuấn Tr – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. (có mặt)

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: đường Ph, phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ: Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hồ Thanh V – Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:

UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 thu hồi 5.668,8m² đất. Trong đó, 2.734m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất và 2.934,5m² không có giấy chứng nhận QSD đất. Thực tế đất của gia đình bà L bị thu hồi có giấy chứng nhận là 2.941,4m². Do vậy phần đất có giấy chứng nhận bị thu hồi chưa được bồi thường là 207,4m². Cụ thể gia đình bà L được cấp giấy chứng nhận là 6.827,2m²; đã chuyển nhượng 3.885,8m²; còn lại 2.941,4m². Sau đó bà L khiếu nại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thành phố B với yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích 1,027m² đất; giao thêm 02 lô đất ở; hỗ trợ tiền hoa màu, cây trái do giải tỏa công trình. Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 theo đó bác toàn bộ nội dung yêu cầu khiếu nại của bà L. Không Đ ý, bà L khiếu nại lên UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2146/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 giữ nguyên nội dung Quyết định 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B. Bà L không Đ ý với các Quyết định của UBND thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bởi lẽ phần diện tích 1.496,7m² thuộc thửa 25A gia đình bà L không chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Đ, nhưng UBND thành phố B bồi thường cho ông Đ là không đúng. Nay bà L yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thành phố B;
- Quyết định giải quyết khiếu nại số 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B;
- Quyết định giải quyết khiếu nại số 2146/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cơ sở khởi kiện là: Theo Giấy chứng nhận QSD đất, theo Quyết định 4035/QĐ-UBND thì gia đình bà L có 6.827,2m² đất đã được cấp giấy chứng nhận trong đó có thửa số 01 đã chuyển nhượng 3.885,8m² diện tích thu hồi phải là: 6.827,2m² - 3.885,8m² = 2.941,4m². Thửa 25A có diện tích 1.496,7m² được bồi thường, hỗ trợ 565.725.000đ gia đình đã nhận 282.862.000đ tương đương

748,3m². Gia đình bà L còn thiếu tổng cộng là 207,4m²+ 748,3m² = 955,7m².

Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.775,4m² đất tại phường P1, thị xã B để đầu tư xây dựng công trình: Cảng B 1 và đường vào Cảng. Ngày 30/8/2007, đại diện Hội đồng đền bù giải tỏa thị xã B và các bên có liên quan tiến hành lập Biên bản kiểm đếm về diện tích đất thu hồi, nhà cửa, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc khác trên đất của hộ ông Tôn Đức H.

Ngày 22/9/2008, UBND phường P1 có Báo cáo số 113/BC- UBND về việc xét tính pháp lý các hộ dân bị giải tỏa thuộc công trình Cảng B 1 và đường vào Cảng. Nội dung kết luận đối với hộ ông Tôn Đức H thể hiện: “Đủ điều kiện đền bù diện tích 7.234,9m², trong đó đề nghị giữ lại số tiền đền bù diện tích thửa 25A/1.496,7m² chờ kết quả giải quyết tranh chấp với ông Đặng Văn Đ”.

Ngày 21/10/2008, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 2962/QĐ- UBND về việc thu hồi 5.737,5m² của ông H, bà L để đầu tư xây dựng công trình Cảng B 1 và đường vào Cảng.

Ngày 22/7/2009, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 2738/QĐ-UBND về việc điều chỉnh số thửa đất thu hồi và diện tích đất thu hồi của ông H, bà L tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND thị xã B thuộc công trình Cảng B 1 và đường vào Cảng. Theo đó, diện tích thu hồi giảm từ 5.737,5m² xuống còn 5.668,8m². Lý do: “Có sự nhầm lẫn về số thửa đất thu hồi và diện tích đất thu hồi trong quá trình kiểm kê, quy chủ sử dụng đất cho từng hộ gia đình, cá nhân”.

Ngày 19/9/2009, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 4035/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho để đầu tư xây dựng công trình Cảng B 1 và đường vào Cảng. Theo đó, thu hồi của ông H, bà L tổng diện tích 5.668,8m² đất nông nghiệp (gồm diện tích đất có giấy CNQSD đất là 2.734,2m² và diện tích chưa được cấp giấy CNQSD đất là 2.934,6m²) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 2.321.358.052 đồng và giao 01 lô đất ở mới, cụ thể gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích 5.668,8m²: 2.142.806.400 đồng; bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc: 127.208.786 đồng; bồi thường hoa màu, cây trái: 25.342.866 đồng; các khoản hỗ trợ: 26.000.000 đồng.

Riêng phần diện tích 1.496,7m² thuộc thửa 25A bản đồ thu hồi đất (phần diện tích còn lại thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 34 sau khi ông H, bà L chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Đ phần diện tích 2.389,1m²) được quy chủ, phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ ông Đặng Văn Đ tại Quyết định số 4036/QĐ- UBND ngày 19/9/2009, tại Quyết định này thể hiện nội dung đối với thửa đất số 25A/1.496,7m² đang tranh chấp với ông Tôn Đức H, đề nghị giữ lại số tiền 565.752.600đ (chờ giải quyết tranh chấp).

Hộ ông Tôn Đức H đã nhận kinh phí bồi thường tại Quyết định số 4035/QĐ- UBND ngày 19/9/2009, được giao 03 lô đất ở. Đồng thời, ông H, bà L cũng đã nhận 50% trong tổng số tiền 565.752.600 đồng bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi thửa 25A/1.496,7m² tại Quyết định số 4036/QĐ- UBND do chủ đầu tư chi trả theo thỏa thuận giữa hộ ông Tôn Đức H và ông Đặng Văn Đ tại Biên bản làm

việc ngày 07/10/2009 của UBND phường P1.

Căn cứ khoản 4 Điều 11 và khoản 2 Điều 12 Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Xét hộ ông H, bà L bị giải tỏa nhà trên đất nông nghiệp và thu hồi hết 5.668,8m² đất nên chỉ được giao 01 lô đất ở. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình ông H, bà L có 02 người con đã trưởng thành (ông Tôn Anh Đ, sinh năm 1979 và bà Tôn Thị Tố N, sinh năm 1984), vì vậy UBND thị xã B đã giao thêm 02 lô đất ở.

Như vậy, UBND thành phố đã giao 03 lô đất ở cho hộ ông H, bà L, là hợp tình, hợp lý và có căn cứ.

Tại thời điểm thu hồi bồi thường công trình Cảng B 1 và đường vào Cảng, việc bồi thường, hỗ trợ tiền hoa màu, cây trái được thực hiện theo Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 08/04/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành quy định giá hoa màu cây trái, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ quy định trên và kết quả kiểm kê, thì UBND thị xã B đã tính bồi thường đúng theo quy định tại Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 08/04/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đúng với số lượng kiểm kê theo Biên bản kiểm kê ngày 30/8/2007.

Do đó, Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã B bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây trái với số tiền 25.342.866 đồng, trong đó có 138,96 kg Tôm với đơn giá 40.000 đồng/kg và 55,58kg Cá các loại với đơn 8.000 đồng/kg, là đúng quy định.

Căn cứ nội dung đơn khiếu nại ngày 22/10/2012, ngày 13/4/2021 và ngày 07/5/2021 Thanh tra thành phố có buổi làm việc với bà Nguyễn Thị L. Tại các buổi làm việc này, bà L có ý kiến:

- *Xác định khiếu nại Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã B với yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích đất 1.027,0m², giao thêm 02 lô đất ở và hỗ trợ tiền hoa màu, cây trái do giải tỏa công trình Cảng B 1 và Đường vào Cảng, phường P1, thị xã B (nay là thành phố B). Cụ thể:*

- *Nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích đất 1.027,0m². Theo sơ đồ vị trí do Công ty Đo đạc M lập năm 2008 (không đề ngày tháng) với tổng diện tích 917,55m² bao gồm các thửa:*

+ *Thửa 21B (82,5m²); 21C (51,3m²) và 22B (4,0m²);*

+ *1/2 Thửa 25A (1/2 diện tích 1.496,7m² do Tôi đã nhận 1/2 số tiền bồi thường, còn 1/2 Nhà nước đã bồi thường cho ông Đặng Văn Đ). Tôi yêu cầu được bồi thường toàn bộ thửa đất này.*

+ *Thửa 26A (31,4m²);*

- *Phân diện tích 6,3m² Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên án thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L nhưng trước đó đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn*

Ch. Tôi yêu cầu UBND thành phố quy chủ từ ông Ch sang cho tôi và bồi thường lại cho tôi.

- Phần diện tích còn lại $103,15m^2$ là thuộc một phần của các thửa đất 96, 97, 99, 100 và 105 tờ bản đồ số 24; thửa 01 tờ bản đồ số 34 phường P1, thị xã B, theo GCNQSD đất số M 143987, UBND thị xã B cấp ngày 13/7/1998 cho ông Tôn Đức H, tổng diện tích được cấp giấy là $9.738,3m^2$.

- Ngày 15/12/2021, Ủy ban nhân thành phố B ban hành Quyết định số 8868/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L. Theo đó, bác nội dung đơn khiếu nại (đơn đề ngày 22/10/2021) của bà Nguyễn Thị L.

- Lý do: UBND thành phố B (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Tôn Đức H để đầu tư xây dựng công trình Cảng B 1 và đường giao thông vào Cảng là đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 22/7/2008, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2962/QĐ-UBND về việc thu hồi $5.737,5m^2$ đất của ông H bà L để đầu tư xây dựng Công trình Cảng B 1 và đường vào cảng. Ngày 22/7/2009 UBND thị xã B ban hành Quyết định số 2738/QĐ-UBND về việc điều chỉnh số thửa đất thu hồi và diện tích đất thu hồi của ông H, bà L tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND thị xã B. Theo đó diện tích đất thu hồi bị giảm từ $5.737,5m^2$ xuống còn $5.668,8m^2$. Lý do có sự nhầm lẫn về số thửa đất thu hồi và diện tích đất thu hồi trong quá trình kiểm kê, quy chủ sử dụng đất cho từng hộ gia đình, cá nhân.

Ngày 19/9/2009, UBND thị xã B ban hành Quyết định 4035/QĐ- UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông H, bà L đối với diện tích bị thu hồi là $5.668,8m^2$ với tổng số tiền là 2.321.358.052đ và giao 01 lô đất ở. Riêng phần diện tích $1.496,7m^2$ thuộc thửa 25A tờ bản đồ số 34 sau khi ông H bà L chuyển nhượng cho ông Đ $2.389,1m^2$. UBND thị xã B đã bồi thường cho ông Đ theo Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 19/9/2009, phần đất $1.496,7m^2$ đang tranh chấp với ông H, bà L nên UBND thị xã B đề nghị giữ lại số tiền 565.752.600đ chờ giải quyết tranh chấp với ông H, bà L. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 07/10/2009 ông H, bà L với ông Đ đã thỏa thuận với nhau, theo đó mỗi bên nhận 50%. Ông H bà L đã nhận 50%, ông Đ đã nhận 50% số tiền bồi thường. Tóm lại, diện tích của ông H bà L bị thu hồi tại dự án Cảng và đường vào Cảng B 1 là $7.165,5m^2$ trong đó phần đã được cấp giấy chứng nhận là $4.230,9m^2$ phần chưa được cấp giấy là $2.934,6m^2$. Trong đó ông H bà L đã được bồi thường theo Quyết định 4035/QĐ-UBND và đã thỏa thuận với ông Đ 50% của diện tích $1.496,7m^2$. Đối chiếu với phần diện tích theo giấy đăng ký sau khi ông H bà L chuyển nhượng cho các hộ khác, với phần đo đạc thực tế và được bồi thường chênh lệch nhau là $74,2m^2$, đây là chênh lệch theo số liệu trên bản đồ với diện tích thực tế sử dụng. Căn cứ Điều 47 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, trường hợp chênh lệch theo giấy tờ và đo đạc thực tế thì bồi thường theo đo đạc thực tế. UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về bồi thường đất cho hộ ông H bà L.

Đối với việc bà L yêu cầu bố trí thêm 02 lô đất ở cho con, năm 2010 sau khi gia đình ông H bà L khiếu nại UBND thành phố B đã giao thêm cho hộ bà L 02 lô đất ở, tổng cộng hộ bà L đã được giao 03 lô đất ở.

Đối với việc yêu cầu hỗ trợ tiền hoa màu, vật nuôi UBND thị xã B áp dụng đơn giá tại thời điểm đó theo Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND là đúng quy định.

Vì vậy Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã (thành phố) Bà Rịa về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Tôn Đức H; Một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B; Một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2146/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Buộc UBND thành phố B giao thêm 02 lô đất ở cho Tôn Anh Đ, Tôn Thị Tố N, Tôn Thị Vĩnh Ph – con bà Nguyễn Thị L vì chưa có chỗ ở.

Buộc UBND thành phố B phải bồi thường thêm 955,7m² đất cho gia đình bà L và hỗ trợ thêm tiền hoa màu theo thời điểm năm 2009 với 138,96 kg là 13.896.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 12/12/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà L cho rằng giá tôm 40.000/1kg là không thực tế, bà L không Đ ý với mức giá bồi thường này, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng bồi thường giá tôm và hoa màu kiến trúc được thực hiện theo Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 08/04/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2]. Về nội dung:

Ngày 21/10/2008 UBND thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa ban hành Quyết định thu hồi 5.737,5m² của gia đình ông Tôn Đức H bà Nguyễn Thị L để đầu tư xây dựng công trình Cảng B 1 và đường vào cảng. Do có sự nhầm lẫn về số thửa và diện tích đất, ngày 22/7/2009 UBND thị xã B ban hành Quyết định 2738/QĐ-UBND về việc điều chỉnh số thửa và diện tích đất bị thu hồi từ 5.737,5m² còn 5.668,8m², ông H bà L không khiếu nại về việc thu hồi đất của UBND thị xã B. Ngày 19/9/2009, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 4035/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông H 5.668,8m² đất với số tiền là 2.142.806.400đ, bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu cây trái và hỗ trợ là 156.269.885đ, tổng cộng là 2.321.358.052đ; không bố trí tái định cư nhưng bố trí 01 lô đất ở. Năm 2010 UBND thị xã B đã bố trí thêm cho hộ ông H, bà L 02 lô đất ở. Không Đ ý với Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã B, ngày 22/10/2012, ông H, bà L có đơn khiếu nại, nội dung yêu cầu giao thêm 02 lô đất ở cho các con, bồi thường thêm 1.027,1m² đất và hỗ trợ thêm tiền hoa màu, tôm cá theo thời điểm 2009. Tại buổi làm việc với Thanh tra thành phố B, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B ngày 13/4/2021 bà L có ý kiến:

“Tôi xác định khiếu nại Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã B với yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích đất 1.027m², giao thêm 02 lô đất ở và hỗ trợ tiền hoa màu, cây trái do giải tỏa công trình Cảng B 1 và đường vào cảng, phường P1, thị xã B (nay là thành phố B) cụ thể:..”.

Như vậy, thực tế ông H, bà L không khiếu nại Quyết định thu hồi đất số 2692/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 và Quyết định điều chỉnh diện tích đất số 2738/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của UBND thị xã B; chỉ khiếu nại một phần Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ vào Quyết định thu hồi đất và Quyết định điều chỉnh diện tích đất bị thu hồi, diện tích đất của gia đình ông H bà L bị thu hồi là 5.668,8m², Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã B đã bồi thường cho ông H, bà L 5.668,8m² đất là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu bố trí thêm 02 lô đất ở, sau khi ông H bà L khiếu nại, xét thấy gia đình bà L có 03 người con đã trưởng thành chưa có chỗ ở, năm 2010 UBND

thành phố B đã bố trí thêm cho gia đình ông H bà L 02 lô đất ở là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung hỗ trợ thêm hoa màu, tôm, cá trên đất: Căn cứ Quyết định 23/2009/QĐ-UBND ngày 08/4/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về giá hoa màu cây trái, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. UBND thành phố B ban hành Quyết định 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 1.496,7m² đất thuộc một phần thửa 25A tờ Bản đồ thu hồi đất: Theo bà L trình bày diện tích đất này gia đình bà L không chuyển nhượng cho ông Đ, vẫn nằm trong giấy chứng nhận đã cấp cho gia đình bà L nên buộc bồi thường cho bà L. Thấy rằng năm 1997 gia đình bà L chuyển nhượng cho ông Đ 2.389,1m² thửa 25A(01) còn lại 1.496,7m² nhưng UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ thửa 25A(01)/3.885,8m², năm 2008 UBND thị xã B đã thu hồi của ông Đặng Văn Đ và đã bồi thường cho ông Đ. Do bà L và ông Đ tranh chấp nên UBND thị xã B giữ lại khoản tiền bồi thường này. Tại biên bản làm việc ngày 07/10/2009, gia đình ông Đ và gia đình bà L thỏa thuận mỗi bên nhận 50% số tiền bồi thường và UBND thị xã B đã hoàn thành việc chi trả. Trường hợp không Đ ý với việc thu hồi và bồi thường cho ông Đ, bà L có quyền khiếu nại, hoặc khởi kiện bằng vụ án hành chính khác, nêu thời hiệu vẫn còn. Trường hợp các bên tranh chấp về số tiền bồi thường 50% còn lại của diện tích 1.496,7m² đất mà ông Đ đã nhận thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết nếu các đương sự có yêu cầu.

Việc UBND thị xã (thành phố) Bà Rịa ban hành Quyết định 4035/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ ông H bà L hỗ trợ 03 lô đất ở cho gia đình ông H, bà L là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2146/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu, nhưng bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 19/9/2009 của UBND thị xã (thành phố) Bà Rịa về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Tôn Đức H; Một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 8868/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B; Một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2146/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Buộc UBND thành phố B giao thêm 02 lô đất ở cho Tôn Anh Đ, Tôn Thị Tô N, Tôn Thị Vĩnh Ph - các con của bà Nguyễn Thị L vì chưa có chỗ ở.

Buộc UBND thành phố B phải bồi thường thêm 955,7m² đất cho gia đình bà L và hỗ trợ thêm tiền hoa màu theo thời điểm năm 2009 với 138,96 kg là 13.896.000 đồng.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- ĐS (4);
- Lưu: HSVA (2), VP(3) 14b LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy